

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 – 5
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	6 – 40
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026</i>	<i>6 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>13 – 40</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900491298, cấp ngày 30 tháng 01 năm 2002 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An (nay là Sở Tài chính tỉnh Nghệ An) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 được Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp ngày 27 tháng 03 năm 2026.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 là 150.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2026 là 150.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Mã số thuế : 2 9 0 0 4 9 1 2 9 8

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ và sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Lang Văn Hiệu	Thành viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 06/05/2026
Bà Đặng Thị Hương Lan	Trưởng ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 06/05/2026
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thành viên ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 06/05/2026
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên ban Kiểm soát	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Công Vinh	Phó Giám đốc phụ trách

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kế toán

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn Phi Hào

Chức vụ

Phụ trách kế toán

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 15/05/2026

Miễn nhiệm ngày 15/05/2026

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Thay mặt Ban Giám đốc

Phó Giám đốc phụ trách



Trần Công Vinh

Số : 0707.01.01/2026/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An được lập ngày 14 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (tiếp theo)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hà Nội, Ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167.579.065.694	67.406.945.328
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	104.793.241.303	9.327.865.121
1. Tiền	111		102.781.375.551	7.315.999.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.011.865.752	2.011.865.753
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.767.027.007	28.257.258.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	32.514.883.408	26.340.896.564
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.026.897.378	1.983.515.957
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	1.813.745.608	1.486.008.683
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(1.588.499.387)	(1.553.162.864)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	25.488.757.385	29.031.838.302
1. Hàng tồn kho	141		25.552.204.818	29.098.926.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(63.447.433)	(67.087.841)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.530.039.999	789.983.565
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	2.352.521.481	286.651.706
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		177.445.964	293.348.156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	72.554	209.983.703
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU'ỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.302.654.644	57.484.422.899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.376.241.423	1.626.795.831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.267.413.129	1.503.232.533
- Nguyên giá	222		49.529.801.168	49.529.801.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.262.388.039)	(48.026.568.635)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	108.828.294	123.563.298
- Nguyên giá	228		587.553.000	587.553.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(478.724.706)	(463.989.702)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		55.718.092.139	54.663.128.119
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	55.718.092.139	54.663.128.119
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		2.208.321.082	1.194.498.949
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	2.208.321.082	1.194.498.949
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		226.881.720.338	124.891.368.227

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		45.848.009.601	33.502.655.052
I. Nợ ngắn hạn	310		42.167.660.526	29.684.630.254
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	35.678.993.136	23.299.807.112
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	15.226.114	100.891.288
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		54.870.100	54.870.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	1.915.243.023	1.038.089.376
5. Phải trả người lao động	315		1.720.704.163	2.383.305.243
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	1.863.567.961	2.209.374.810
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.15	95.503.033	74.506.061
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16a	575.462.671	521.960.809
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	248.090.325	1.825.455
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.680.349.075	3.818.024.798
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.16b	3.399.349.075	3.537.024.798
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17	281.000.000	281.000.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	181.033.710.737	91.388.713.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(534.950.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		423.999.999	423.999.999
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.812.637.650	19.006.550.476
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.332.023.088	11.958.162.700
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		10.829.640.656	8.733.814.005
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		502.382.432	3.224.348.695
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		226.881.720.338	124.891.368.227


Lê Thị Dung
Người lập biểu
Nguyễn Thị Hiền
Phụ trách kế toán
Trần Công Vinh
Phó Giám đốc phụ trách

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.916.593.379	74.978.316.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	164.633.474	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.751.959.905	74.978.316.632
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	54.441.032.584	55.405.473.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.310.927.321	19.572.842.730
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	208.817.350	33.915.728
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	-	21.234.124
Trong đó: chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	7.287.023.181	9.218.234.266
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.569.285.555	7.741.785.434
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		663.435.935	2.625.504.634
12. Thu nhập khác	31	VI.8	56.485.112	127.068.857
13. Chi phí khác	32	VI.9	589.554	1.722.833
14. Lợi nhuận khác	40		55.895.558	125.346.024
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		719.331.493	2.750.850.658
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	216.949.061	550.170.132
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		502.382.432	2.200.680.526
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	37,91	330,10
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	37,91	330,10

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Lê Thị Dung
Người lập biểuNguyễn Thị Hiền
Phụ trách kế toánTrần Công Vinh
Phó Giám đốc phụ trách

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		719.331.493	2.750.850.658
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		250.554.408	601.153.257
- Các khoản dự phòng	03		31.696.115	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(132.300)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(195.322.553)	(33.915.728)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		806.127.163	3.318.088.187
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.219.291.850)	1.218.298.382
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.546.721.325	(3.772.443.554)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.208.502.445	946.274.764
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.079.691.908)	(1.670.803.069)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(78.246.575)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(964.537.502)	(741.723.994)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(76.170.000)	(119.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.143.413.098	(821.589.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(338.541.770)	(1.502.878.743)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		195.322.554	66.183.316
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(143.219.216)	(1.436.695.427)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		89.465.050.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.135.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		89.465.050.000	(3.135.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		95.465.243.882	(2.261.419.711)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.327.865.121	12.177.682.808
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		132.300	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	104.793.241.303	9.916.263.097



Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Lê Thị Dung
Người lập biểuNguyễn Thị Hiền
Phụ trách kế toánTrần Công Vinh
Phó Giám đốc phụ trách

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900491298, cấp ngày 30 tháng 01 năm 2002 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An (nay là Sở Tài chính tỉnh Nghệ An) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 được Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp ngày 27 tháng 03 năm 2026.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 là 150.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2026 là 150.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Mã số thuế : 2 9 0 0 4 9 1 2 9 8

2. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

3. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

4. Ngành nghề kinh doanh :
Sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, hóa dược, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, chế biến dược liệu

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Dược phẩm GMP-WHO	Số 16, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm TP Vinh	Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Công ty Dược Vật tư – Y tế Nghệ An tại Hà Nội	Số 356 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Anh Sơn	Tổ dân phố 02, Xã Anh Sơn, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Con Cuông	Khối 3, Xã Con Cuông, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Diễn Châu	Khối 4, Xã Diễn Châu, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Dược phẩm huyện Đô Lương	Khối 3, Xã Đô Lương, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Hưng Nguyên	xóm Tân Hợp, Xã Hưng Nguyên, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Châu	Khối 3, Xã Quỳnh Châu, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Kỳ Sơn	Khối 3, Xã Mường Xén, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nam Đàn	159 Khối Phan Bội Châu, Xã Vạn An, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nghĩa Đàn	Khối Tân Tiến, Phường Thái Hòa, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quế Phong	Khối Nam Sơn, Xã Quế Phong, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Lưu	Khối 5, Xã Quỳnh Lưu, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Hợp	Khối 1, Xã Quỳnh Hợp, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Tân Kỳ	Khối 3, Xã Tân Kỳ, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Thanh Chương	Khối 2, Xã Đại Đồng, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Tương Dương	khối Hòa Bắc, Xã Tương Dương, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Yên Thành	Khối 4, Xã Yên Thành, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 443 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 483 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỘC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái để ghi sổ kế toán cho các giao dịch kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch:

a) Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

+ Bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác; Bên Nợ các Tài khoản phải thu; Bên Nợ các Tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.

+ Bên Có các TK phải trả; Bên Có các Tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua;

+ Các tài khoản loại vốn chủ sở hữu;

b) Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán thì doanh nghiệp được sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế đó để hạch toán cho cả bên Nợ và bên Có của Tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Áp dụng tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu quản lý của đơn vị, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tỷ giá ghi sổ để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau đây:

+ Bên Có các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác;

+ Bên Có các Tài khoản phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua);

+ Bên Nợ Tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các Tài khoản ký quỹ, ký cược, chi phí chờ phân bổ;

+ Bên Nợ các Tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có Tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán khi nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ

Công ty áp dụng tỷ giá hối đoái để hạch toán các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

- Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ..

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: căn cứ vào thời gian quá hạn để trích lập dự phòng. Cụ thể như sau:
 - + Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - + Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - + Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - + Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỖC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỆC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là doanh thu ghi nhận trước của tiền cho thuê kho,

13. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

Thời điểm Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau:

- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỘC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN DU'ỢC - VẬT TU' Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU'ỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	261.863.520	396.493.987
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (1)	102.380.944.958	6.919.505.381
Tiền đang chuyển	138.567.073	-
Các khoản tương đương tiền (2)	2.011.865.752	2.011.865.753
Cộng	104.793.241.303	9.327.865.121

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Nghệ An - TK 8880 0345 5899	90.145.968.802	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Nghệ An - TK 44 000000 455899	9.997.521.890	4.070.959.485
Các ngân hàng khác	2.237.454.266	2.848.545.896
Cộng	102.380.944.958	6.919.505.381

(2) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có thời hạn từ 03 tháng trở xuống	2.000.000.000	2.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	11.865.752	11.865.753
Cộng	2.011.865.752	2.011.865.753

Tại ngày 30/6/2026, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn của hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Nghệ An có thời hạn 03 tháng với lãi suất từ 3,55%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng khác	32.514.883.408	(1.349.591.940)	26.340.896.564	(1.314.255.417)
Bệnh viện Ung Bướu - Nghệ An	609.459.291	(58.185.236)	142.184.791	(58.185.236)
Bệnh viện Đa khoa TP Vinh	131.617.148	(2.769.562)	59.164.648	(1.000.491)
Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	9.721.328.685	-	7.491.244.681	-
Công ty TNHH Thương Mại Dược Mỹ Phẩm Trường Thọ Nghệ An	1.253.257.706	(188.782.965)	1.253.257.706	(188.782.965)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính và Xuất Khẩu Fintex	-	-	1.151.473.529	-
Công ty TNHH Dược Phẩm QM Pharma	238.950.394	-	1.002.450.390	-
Công ty TNHH Thương Mại Nguyệt SALA	1.097.650.394	-	783.419.464	-
Các khách hàng khác tại Văn phòng	17.373.147.998	(1.099.854.177)	11.698.936.498	(1.066.286.725)
Các khách hàng khác tại Chi nhánh	2.089.471.792	-	2.758.764.857	-
Cộng	32.514.883.408	(1.349.591.940)	26.340.896.564	(1.314.255.417)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.026.897.378</i>	<i>1.983.515.957</i>
Công ty Cổ phần Sinh học Dược phẩm BIOPRO	362.543.516	-
Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Phát triển Công nghệ G.A.T	426.699.000	426.699.000
Công ty TNHH Cơ điện MES	754.532.496	754.532.496
Công ty TNHH thương mại và Xây dựng Công Nghệ Hà Bắc	201.600.006	201.600.006
Các khách hàng khác	281.522.360	600.684.455
Cộng	2.026.897.378	1.983.515.957

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.813.745.608</i>	<i>(238.907.447)</i>	<i>1.486.008.683</i>	<i>(238.907.447)</i>
Tạm ứng	626.801.809	-	325.774.766	-
Ký cược, ký quỹ	719.704.957	-	755.572.684	-
Phải thu tiền BHXH, KPCĐ	30.048.000	-	10.652.776	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	437.190.842	(238.907.447)	394.008.457	(238.907.447)
Cộng	1.813.745.608	(238.907.447)	1.486.008.683	(238.907.447)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	1.556.853.709	(1.349.591.940)	-	1.551.904.298	(1.314.255.417)
<i>Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An</i>	Trên 3 năm	83.416.246	(83.416.246)	Trên 3 năm	83.416.246	(83.416.246)
<i>Bệnh viện Ung Bướu - Nghệ An</i>	Trên 3 năm	58.185.236	(58.185.236)	Trên 3 năm	58.185.236	(58.185.236)
<i>Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp</i>	Trên 3 năm	47.790.007	(47.790.007)	Trên 3 năm	47.790.007	(47.790.007)
<i>Trung tâm y tế huyện Tương Dương</i>	Trên 3 năm	88.138.036	(88.138.036)	Trên 3 năm	88.138.036	(88.138.036)
<i>Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai</i>	Trên 3 năm	134.943.554	(134.943.554)	Trên 3 năm	134.943.554	(134.943.554)
<i>Phòng khám đa khoa Hồng Tùng - Công ty TNHH Y tế Dược phẩm Bách Khoa-</i>	Trên 3 năm	232.748.788	(232.748.788)	Trên 3 năm	232.748.788	(232.748.788)
<i>Ông Trần Việt An</i>	Trên 3 năm	85.450.000	(85.450.000)	Trên 3 năm	85.450.000	(85.450.000)
<i>Công ty cổ phần xây lắp và thiết bị miền Trung</i>	Trên 3 năm	1.200.000	(1.200.000)	Trên 3 năm	1.200.000	(1.200.000)
<i>Công ty cổ phần xây lắp và thiết bị miền Trung</i>	Trên 3 năm	49.200.000	(49.200.000)	Trên 3 năm	49.200.000	(49.200.000)
<i>Công ty cổ phần xây lắp và thiết bị miền Trung</i>	Trên 3 năm	13.200.000	(13.200.000)	Từ 2 đến 3 năm	13.200.000	(9.240.000)
<i>Công ty TNHH đầu tư thương mại Gia Hưng</i>	Trên 3 năm	70.399.999	(70.399.999)	Trên 3 năm	70.399.999	(70.399.999)
<i>Công ty TNHH Thương Mại Dược Mỹ Phẩm Trường Thọ Nghệ An</i>	Từ 1 đến 2 năm	377.565.930	(188.782.965)	Từ 1 đến 2 năm	377.565.930	(188.782.965)
<i>Các khách hàng khác</i>		2.610.308.540	(296.137.109)		2.605.359.129	(260.800.586)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		238.907.447	(238.907.447)		238.907.447	(238.907.447)
Cộng		1.795.761.156	(1.588.499.387)		1.790.811.745	(1.553.162.864)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(1.553.162.864)	-	(1.553.162.864)
Trích lập dự phòng bổ sung	(53.512.312)	-	(53.512.312)
Hoàn nhập dự phòng	18.175.789	-	18.175.789
Số cuối kỳ	(1.588.499.387)	-	(1.588.499.387)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	470.645.747	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.406.731.254	(22.489.902)	7.220.211.240	-
Công cụ, dụng cụ	306.421.646	-	315.366.288	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.320.130.200	-	376.531.881	-
Sản phẩm	9.418.853.428	(424.372)	12.570.689.521	(15.782.672)
Hàng hóa	6.100.068.290	(40.533.159)	8.145.481.466	(51.305.169)
Cộng	25.552.204.818	(63.447.433)	29.098.926.143	(67.087.841)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	(67.087.841)
Trích lập dự phòng bổ sung	(63.447.433)
Hoàn nhập dự phòng	67.087.841
Số cuối kỳ	(63.447.433)

7. Chi phí chờ phân bổ**a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.426.802	144.107.172
Chi phí bảo hiểm	15.463.934	12.686.997
Thuê đất, thuê đất	1.569.117.743	-
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	690.513.002	129.857.537
Cộng	2.352.521.481	286.651.706

b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	350.600.855	445.138.889
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.857.720.227	749.360.060
Cộng	2.208.321.082	1.194.498.949

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.716.055.782	19.123.539.940	2.691.342.016	998.863.430	49.529.801.168
Số cuối kỳ	26.716.055.782	19.123.539.940	2.691.342.016	998.863.430	49.529.801.168
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.483.177.349	18.403.016.401	2.198.923.834	998.863.430	44.083.981.014
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	25.725.081.262	18.708.725.853	2.593.898.090	998.863.430	48.026.568.635
Khấu hao trong kỳ	149.064.558	55.978.710	30.776.136	-	235.819.404
Số cuối kỳ	25.874.145.820	18.764.704.563	2.624.674.226	998.863.430	48.262.388.039
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	990.974.520	414.814.087	97.443.926	-	1.503.232.533
Số cuối kỳ	841.909.962	358.835.377	66.667.790	-	1.267.413.129

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	45.000.000	542.553.000	587.553.000
Số cuối kỳ	45.000.000	542.553.000	587.553.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		340.953.000	340.953.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	463.989.702	463.989.702
Khấu hao trong kỳ	-	14.735.004	14.735.004
Số cuối kỳ	-	478.724.706	478.724.706
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.000.000	78.563.298	123.563.298
Số cuối kỳ	45.000.000	63.828.294	108.828.294

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ	Số cuối kỳ
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>54.663.128.119</i>	<i>1.074.964.020</i>	-	<i>(20.000.000)</i>	<i>55.718.092.139</i>
<i>Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm tại KCN Bắc Vinh</i>	<i>53.455.829.695</i>	<i>1.074.964.020</i>	-	<i>(20.000.000)</i>	<i>54.510.793.715</i>
<i>Dự án nhà máy đóng dược số 68 Nguyễn Sỹ Sách</i>	<i>1.207.298.424</i>	-	-	-	<i>1.207.298.424</i>
Cộng	54.663.128.119	1.074.964.020	-	(20.000.000)	55.718.092.139

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>35.678.993.136</i>	<i>23.299.807.112</i>
Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	6.247.134.624	3.139.070.274
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Xây dựng CCSC	1.330.552.804	1.330.552.804
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược DANAPHA tại Thanh Hoá	-	139.872.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dược Mặt Trời	6.151.476.380	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm VINACARE	1.372.932.850	899.261.700
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Vinh	1.285.942.177	1.363.162.637
Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn SLCC	1.242.000.000	1.242.000.000
SINOBRIGHT PHARMA CO.,LTD	-	1.239.719.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	261.006.471	103.573.758
Công ty TNHH Thương mại Dược Mỹ Phẩm Thanh Bình	-	354.116.500
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	1.186.324.650	-
Các nhà cung cấp khác tại Văn phòng	16.587.134.048	13.456.768.757
Các nhà cung cấp khác tại chi nhánh	14.489.132	31.709.682
Cộng	35.678.993.136	23.299.807.112

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>15.226.114</i>	<i>100.891.288</i>
Công ty TNHH Công Nghệ Dược Minh An	-	95.225.000
Các khách hàng khác tại văn phòng	6.411.493	5.666.288
Các khách hàng khác tại chi nhánh	8.814.621	-
Cộng	15.226.114	100.891.288

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	209.911.149	681.751.572	(432.558.296)	39.282.127	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	45.202.410	(45.202.410)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	964.537.502	-	216.949.061	(964.537.502)	216.949.061	-
Thuế thu nhập cá nhân	65.066.058	-	89.688.690	(98.694.328)	56.060.420	-
Tiền thuê đất	8.485.816	-	3.138.248.479	(1.543.782.880)	1.602.951.415	-
Các loại thuế khác	-	72.554	359.576	(359.576)	-	72.554
Cộng	1.038.089.376	209.983.703	4.172.199.788	(3.085.134.992)	1.915.243.023	72.554

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất cho từng lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng thuốc chữa bệnh

5%

Thuế suất cho hàng tiêu thụ trong nước

8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.863.567.961</i>	<i>2.209.374.810</i>
Chi phí lương nhân viên	305.194.893	687.475.070
Chi phí vận chuyển hỗ trợ bán hàng	29.422.617	148.528.024
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.528.950.451	1.373.371.716
Cộng	1.863.567.961	2.209.374.810

15. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>95.503.033</i>	<i>74.506.061</i>
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định, bất động sản đầu tư	95.503.033	74.506.061
Cộng	95.503.033	74.506.061

16. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>575.462.671</i>	<i>521.960.809</i>
Kinh phí công đoàn	87.930.400	168.717.076
Bảo hiểm xã hội	19.168.350	-
Bảo hiểm y tế	3.568.950	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.503.400	-
Tiền lãi vay phải trả	-	78.246.575
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	463.291.571	274.997.158
Cộng	575.462.671	521.960.809

b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.399.349.075</i>	<i>3.537.024.798</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	3.399.349.075	3.537.024.798
Cộng	3.399.349.075	3.537.024.798

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay vốn nhà nước dự trữ thuốc phòng chống thiên tai</i>	<i>281.000.000</i>	<i>281.000.000</i>	<i>281.000.000</i>	<i>281.000.000</i>
<i>Vay tại văn phòng</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Vay tại Chi nhánh Dược phẩm huyện Con Cuông</i>	<i>85.000.000</i>	<i>85.000.000</i>	<i>85.000.000</i>	<i>85.000.000</i>
<i>Vay tại Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Châu</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>
Cộng	281.000.000	281.000.000	281.000.000	281.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các tổ chức khác	281.000.000	-	-	281.000.000
Cộng	281.000.000	-	-	281.000.000

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	625.165	-	-	625.165
Quỹ phúc lợi	1.200.290	322.434.870	(76.170.000)	247.465.160
Cộng	1.825.455	322.434.870	(76.170.000)	248.090.325

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số đầu năm trước	60.000.000.000	-	423.999.999	18.420.072.754	9.554.882.816	88.398.955.569
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	3.224.348.695	3.224.348.695
Trích lập các quỹ	-	-	-	586.477.722	(821.068.811)	(234.591.089)
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	-	423.999.999	19.006.550.476	11.958.162.700	91.388.713.175
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	423.999.999	19.006.550.476	11.958.162.700	91.388.713.175
Tăng vốn bằng tiền	90.000.000.000	(534.950.000)	-	-	-	89.465.050.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	502.382.432	502.382.432
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	806.087.174	(1.128.522.044)	(322.434.870)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	(534.950.000)	423.999.999	19.812.637.650	11.332.023.088	181.033.710.737

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 05/05/2025 đã biểu quyết thông qua việc trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2025, cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%LNST): 322.434.870 VND

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (25%LNST): 806.087.174 VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Thương mại Phúc Khang	37.045.120.000	24,70%	11.778.050.000	19,63%
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Hồng Ngân	33.998.840.000	22,67%	13.069.550.000	21,78%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	35.000.000.000	23,33%	14.000.000.000	23,33%
Công ty TNHH Thung Lũng Vua	37.429.750.000	24,95%	14.971.900.000	24,95%
Các Cổ đông khác	6.526.290.000	4,35%	6.180.500.000	10,17%
Cộng	150.000.000.000	100%	60.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU'ỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	15.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.700	2.700

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	69.020.520.467	73.160.893.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.896.072.912	1.817.423.055
Cộng	70.916.593.379	74.978.316.632

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	164.633.474	-
Cộng	164.633.474	-

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	51.208.638.121	52.911.954.415
Chi phí sản xuất chung vượt định mức	3.236.034.871	2.493.519.487
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.640.408)	-
Cộng	54.441.032.584	55.405.473.902

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	195.322.553	33.915.728
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	380.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	132.300	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	12.981.897	-
Cộng	208.817.350	33.915.728

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	21.234.124
Cộng	-	21.234.124

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.942.871.066	7.798.502.646
Chi phí vật liệu, bao bì	16.375.868	23.514.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.024.654	97.055.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.500.440	253.647.980
Các chi phí khác	786.251.153	1.045.513.047
Cộng	7.287.023.181	9.218.234.266

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.860.749.959	4.358.042.724
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.401.644	212.771.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.551.044	165.591.694
Thuế, phí và lệ phí	853.951.494	566.139.966
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	35.336.523	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.731.562.882	1.683.894.915
Các chi phí khác	895.732.009	755.344.395
Cộng	8.569.285.555	7.741.785.434

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu được hưởng	-	40.198.773
Thu nhập khác	56.485.112	86.870.084
Cộng	56.485.112	127.068.857

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỆC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt, nộp bổ sung thuế	-	976.121
Chi phí khác	589.554	746.712
Cộng	589.554	1.722.833

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	719.331.493	2.750.850.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	365.413.812	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	365.546.112	-
Thù lao HĐQT, BKS	84.000.000	-
Tiền vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	757.112	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	280.789.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(132.300)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ	(132.300)	-
Thu nhập chịu thuế	1.084.745.305	2.750.850.658
Thu nhập tính thuế	1.084.745.305	2.750.850.658
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	216.949.061	550.170.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	216.949.061	550.170.132

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	502.382.432	2.200.680.526
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(50.238.243)	(220.068.053)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(50.238.243)	(220.068.053)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	452.144.189	1.980.612.473
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.927.947	6.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	37,91	330,10

(*) Tạm tính theo tỷ lệ 10% Lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 05/05/2025.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.000.000	6.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	5.927.947	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.927.947	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.261.278.990	23.131.372.834
Chi phí nhân công	14.774.769.356	15.792.606.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.554.408	601.153.257
Dự phòng/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	31.696.115	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.102.873.367	5.632.498.812
Chi phí khác	2.595.675.846	2.367.931.757
Cộng	50.016.848.082	47.525.562.926

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Lang Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	216.129.586	241.908.238
Ông Trần Công Vinh	Phó Giám đốc	314.980.442	323.712.519
Ông Nguyễn Phi Hào	Kế toán trưởng	130.700.191	91.053.973
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phụ trách kế toán	91.669.719	73.398.466

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay	-	-	281.000.000	281.000.000
Phải trả người bán	35.678.993.136	-	-	35.678.993.136
Các khoản phải trả khác	4.214.604.895	3.399.349.075	-	7.613.953.970
Cộng	39.893.598.031	3.399.349.075	281.000.000	43.573.947.106
Số đầu năm				
Vay	-	-	281.000.000	281.000.000
Phải trả người bán	23.299.807.112	-	-	23.299.807.112
Các khoản phải trả khác	5.169.510.962	3.537.024.798	-	8.706.535.760
Cộng	28.469.318.074	3.537.024.798	281.000.000	32.287.342.872

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.780.491.303	9.327.865.121	104.780.491.303	9.327.865.121
Phải thu khách hàng	31.165.291.468	25.026.641.147	31.165.291.468	25.026.641.147
Các khoản phải thu khác	1.574.838.161	1.247.101.236	1.574.838.161	1.574.838.161
Cộng	137.520.620.932	35.601.607.504	137.520.620.932	35.929.344.429
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	281.000.000	281.000.000	281.000.000	281.000.000
Phải trả người bán	35.678.993.136	23.299.807.112	35.678.993.136	23.299.807.112
Các khoản phải trả khác	7.613.953.970	8.706.535.760	7.613.953.970	8.706.535.760
Cộng	43.573.947.106	32.287.342.872	43.573.947.106	32.287.342.872

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được

CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập bởi đơn vị.

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, chi tiết trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau trình bày lại
Các khoản tương đương tiền	112	2.000.000.000		2.011.865.753
Phải thu ngắn hạn khác	135	1.497.874.436		1.486.008.683
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-		54.870.100
Phải trả ngắn hạn khác	320	576.830.909		521.960.809

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Lê Thị Dung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hiền
Phụ trách kế toán



Trần Công Vinh
Phó Giám đốc phụ trách